

Bản án số: 05/2020/HSST
Ngày: 22-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lũng.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông: Lương Văn Kế.

- Bà: Vũ Thị Toàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà - KSV.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 04/2020/HSST ngày 06 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2020 và thông báo thay đổi lịch xét xử ngày 03 tháng 4 năm 2020 đối với:

1- Bị cáo: Nguyễn Văn H, sinh năm 1992; HKTT: phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Chỗ ở hiện nay: số 44, phố P, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn C; Con bà: Phạm Thị V; Vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1994; Có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/12/2020. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

2- Người bị hại:

- Chị Đoàn Thị Xuân G, sinh năm 1994; Trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt

3- Người làm chứng:

- Anh Vũ Công T, sinh năm 1977; Trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H là cán bộ Công an huyện T công tác tại Công an xã M, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Ngày 25/12/2019, H được phân công trực tại trụ sở Công an xã để tiếp công dân. Khoảng 11 giờ cùng ngày, có chị Đoàn Thị Xuân G, sinh năm 1994 ở thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Hưng Yên đến Công an xã M gặp H đề nghị làm thủ tục cấp lại thẻ căn cước công dân. H yêu cầu chị G xuất trình sổ hộ khẩu, chị G để một túi xách màu đen, có nắp gấp bên ngoài ở trên ghế trong phòng làm việc của Công an xã M rồi đi ra sân Ủy ban nhân dân xã nơi dựng xe máy lấy sổ hộ khẩu. Lúc này trong phòng chỉ còn một mình H, H đứng dậy đi đến vị trí để túi xách của G, mở nắp gấp túi xách ra thấy bên trong có 12.000.000 đồng gồm 14 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 25 tờ tiền mệnh giá 200.000

đồng được buộc chung thành một cục, H dùng tay phải lấy số tiền trên rồi đút vào túi quần phía trước bên phải H đang mặc và đây nắp túi xách lại như ban đầu. Khi chị G mang sổ hộ khẩu vào, H tiếp tục làm thủ tục cho chị G. Sau khi chị G đi về, H đi ra phía sau nhà làm việc của Ủy ban nhân dân xã M cất dấu số tiền trên ở bụi rậm rồi dùng cành cây che đây phía trên.

Ngay sau khi phát hiện mất tài sản chị G, có đơn trình báo đến Công an xã M, huyện T về việc bị kẻ gian trộm cắp số tiền 13.000.000 đồng và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, H thừa nhận đã trộm cắp số tiền 12.000.000 đồng của chị G và giao nộp lại số tiền trên cho Công an xã M, huyện T. Ngày 26/12/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T quản lý vật chứng 01 túi xách màu đen kích thước 20x15cm.

Ngày 26/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp nơi làm việc của H tại trụ sở Công an xã M, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Qua khám xét không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Ngày 31/12/2019, Giám đốc Công an tỉnh Hưng Yên đã ra quyết định kỷ luật đối với Nguyễn Văn H bằng hình thức “Tước danh hiệu Công an nhân dân”.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Các lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng: Đối với 01 chiếc túi xách tay màu đen kích thước 20x15cm là tài sản của chị Đoàn Thị Xuân G. Ngày 31/12/2019 Cơ quan quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại chiếc túi xách trên cho chị G.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Đoàn Thị Xuân G khai mất số tiền là 13.000.000 đồng, quá trình điều tra và đối chất xác định bị cáo H chỉ chiếm đoạt số tiền là 12.000.000 đồng. Ngày 31/12/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chị G số tiền là 12.000.000 đồng. Chị G đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do mình gây ra, bị cáo trình bày hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo hiện rất khó khăn, bị cáo có 01 con còn quá nhỏ sống hoàn toàn lệ thuộc vào gia đình. Quá trình sinh sống tại địa phương bản thân bị cáo và gia đình chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như các quy định do địa phương đề ra. Bị cáo có đơn đề nghị các cơ quan pháp luật xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và được cải tạo tại địa phương để bị cáo có điều kiện chăm sóc gia đình có xác nhận và đề nghị của chính quyền địa phương.

Cáo trạng số: 06/CT-VKSTL ngày 04/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự an ninh địa phương, gây

tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu, thể hiện bị cáo rất liều lĩnh, coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn H về tội "*Trộm cắp tài sản*" và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Đề nghị xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn H từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng, thời hạn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về UBND phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020.

- Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

- Vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

- Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có công ăn việc làm và không có thu nhập ổn định nên đề nghị xét miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, người bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 25/12/2019 tại phòng làm việc của Công an xã M, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Nguyễn Văn H đã có hành vi trộm cắp số tiền là 12.000.000 đồng của chị G. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự an ninh địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi tảo tợn giữa ban ngày. Bị cáo là cán bộ Công an đang thi hành nhiệm vụ, nhưng đã lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu, thể hiện bị cáo rất liều lĩnh, coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất lòng tin của nhân dân đối với cán bộ chiến sỹ Công an với Đảng và Nhà nước. Bị cáo không chịu sống bằng đồng lương chân chính mà lao vào con đường phạm tội để có tiền thoả mãn những thú vui tầm thường của mình. Do vậy để cải tạo, giáo dục

bị cáo trở thành công dân tốt và có ích cho gia đình và xã hội cần phải tuyên phạt bị cáo một hình phạt nhất định tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, hội đồng xét xử cũng cân nhắc đến đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng để ra một bản án có tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và có tính phòng ngừa chung.

[3] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Tài sản mà bị cáo trộm cắp đã thu hồi được và trả lại cho chủ sở hữu, người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Bị cáo có nhân thân tốt, từ trước đến nay chưa có tiền án, tiền sự gì, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình sinh sống tại địa phương bản thân bị cáo và gia đình chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như các qui định do địa phương đề ra. Hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo hiện nay rất khó khăn, bị cáo có con còn quá nhỏ sống hoàn toàn lệ thuộc vào gia đình, bị cáo là lao động chính trực tiếp lao động để nuôi sống gia đình. Bị cáo có đơn đề nghị các cơ quan pháp luật xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và được cải tạo tại địa phương có xác nhận và đề nghị của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác mà bị cáo được hưởng thêm qui định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Trên cơ sở xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi thường trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình của bị cáo hiện nay rất khó khăn, nếu bị cáo phải đi chấp hành hình phạt tù thì bản thân bị cáo và gia đình sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Hội đồng xét xử cân nhắc không cần thiết phải cách li bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Đoàn Thị Xuân G đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[5] Vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc túi xách tay màu đen kích thước 20x15cm. Cơ quan điều tra đã giao trả chủ sở hữu để sử dụng nên không đặt ra giải quyết.

[6] Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có công ăn việc làm và thu nhập không ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xét miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn H 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, thời hạn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về UBND phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.
- Vật chứng: Không đặt ra giải quyết.
- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.
- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.
- Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - Tòa án tỉnh;
- VKS + THA huyện;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện.
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Lũng